

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MUỜNG CHÀ
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2020/HNGĐ-ST

Ngày 31/7/2020

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MUỜNG CHÀ, TỈNH ĐIỆN BIÊN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lò Văn Dinh.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông: Khoàng Văn Hặc.

2. Bà: Vừ Thị Sùng.

Thư ký phiên tòa: Bà **Chu Thị Chức** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M C tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị T** - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 7 năm 2020, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện M C tiến hành mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 20/2020/HNGĐ-ST ngày 09/3/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2020/QĐHPT-ST ngày 02 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **H T T** – Sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Bản N S, xã N S, huyện M C, tỉnh Điện Biên - Có mặt.

- Bị đơn: Anh **N B L** – Sinh năm: 1980.

Địa chỉ: Bản N S, xã N S, huyện M C, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt không có lý do.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **N T H**.

Địa chỉ: Bản N S, xã N S, huyện M C, tỉnh Điện Biên - Vắng mặt có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20/02/2020, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa ngày hôm nay, nguyên đơn chị H T T trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và anh N B L qua quá trình tìm hiểu, yêu thương nhau, chúng tôi tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 01/02/2002 tại UBND thị trấn Mường Lay, huyện Mường Lay, tỉnh Lai Châu (nay là thị trấn M C, huyện M C, tỉnh Điện Biên), chúng tôi đến với nhau và đăng ký kết hôn với nhau là hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Thời gian đầu chung sống với nhau hạnh phúc. Đến năm

2009 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, giữa vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi nhau, nguyên nhân là trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày do bất đồng quan điểm sống, tính tình không còn hợp nhau như trước. Cho đến tháng 6 năm 2017 giữa vợ chồng xảy ra cãi nhau nhiều hơn do tôi không chịu đựng được tôi đã bỏ ra ngoài ở riêng và chúng tôi sống ly thân với nhau từ đó cho đến nay, trong cuộc sống không còn quan tâm đến nhau, nay tôi thấy tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với anh N B L.

- *Về con chung*: Chúng tôi có một con chung là cháu N Đ T sinh ngày 12/01/2003. Sau khi ly hôn tôi có nguyện vọng là giao cháu T cho anh L trực tiếp, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cho đến khi cháu đủ Tuổi trưởng thành và tôi cũng không có điều kiện để cấp dưỡng nuôi con cùng với anh L, khi nào anh L có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con tôi sẽ thỏa thuận sau với anh L.

- *Về tài sản*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ*: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại phiên tòa hôm nay người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N T H (mẹ của N B L) vắng mặt. Tại biên bản lấy lời khai ngày 20/4/2020 của bà N T H trình bày: Sau khi anh L và chị T kết hôn về chung sống với bà cho đến nay. Ngôi nhà hiện đang ở là do bà, chị T, anh L cùng góp công để xây dựng trên thửa đất riêng của bà. Tự nhiên về tài sản này gia đình sẽ tự thỏa thuận, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết. Trong cuộc sống giữa vợ chồng chị T và anh L thời gian đầu hạnh phúc, đến năm 2017 mâu thuẫn gay gắt, chị T ra ở riêng còn L đang đi làm ăn xa, thỉnh thoảng mới về nhà. Sau khi bà nhận thông báo thụ lý vụ án, khoảng một Tuần sau thì L về thăm nhà, bà H đã giao thông báo thụ lý cho L, bà có hỏi anh L, khi đó L có nói với bà H là L đồng ý ly hôn, cháu T muốn ở với L thì L đồng ý, do T đang đi làm cùng L nên không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

- Tại văn bản ý kiến của cháu N Đ T gửi cho Tòa án trình bày, nguyện vọng của cháu là sau khi bố mẹ ly hôn với nhau muốn được sống cùng với bố.

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc Tân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì. Đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, 39/BLTTDS năm 2015; Điều 8, Điều 9, Điều 51, 53, 54 và Điều 56, 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị H T T. Tuyên xử cho chị H T T được ly hôn với anh N B L. Giao cháu N Đ T – sinh ngày 12/01/2003 cho anh N B L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ Tuổi thành niên (18 Tuổi). Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh L. Chị T có quyền gặp gỡ, thăm hỏi con không ai được cản trở.

Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, miễn, giảm, T,

nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Buộc chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp về hôn nhân gia đình và nuôi con khi ly hôn, nguyên đơn và bị đơn cùng trú tại bản N S, xã N S, huyện M C, tỉnh Điện Biên. Vậy, Toà án nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, 39 Bộ L tố tụng dân sự. Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành tổng đạt thông báo thụ lý vụ án cho các đương sự; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa. Do anh L không có mặt tại địa phương nên Tòa án không tổng đạt trực tiếp được các Thông báo và Quyết định của Tòa án cho anh L, Tòa án đã tổng đạt cho mẹ đẻ của anh L bà N T H, bà H đều đã giao lại các văn bản tố tụng của Tòa án cho anh L và đồng thời Tòa án cũng tiến hành niêm yết các văn bản đảm bảo đúng quy định pháp L. Anh N B L được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa không có lý do, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N T H vắng mặt tại phiên tòa có lý do, chị H T T có mặt tại phiên tòa. Do vậy, căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ L tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh L và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà H theo quy định của pháp L.

[2]. Về nội dung vụ án: Xét quan hệ hôn nhân chị T và anh L sau khi tìm hiểu yêu thương nhau, tiến tới hôn nhân có đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 01/02/2002 tại UBND thị trấn Mường Lay, huyện Mường Lay, tỉnh Lai Châu (nay là thị trấn M C, huyện M C, tỉnh Điện Biên). Việc anh chị đăng ký kết hôn với nhau là trên cơ sở tự nguyện không bị ép buộc, Tân thủ các quy định của L hôn nhân và gia đình. Vậy cuộc hôn nhân giữa chị T và anh L là hôn nhân hợp pháp được pháp L bảo vệ. Cuộc sống chung của anh, chị hoà T ận, hạnh phúc chỉ được thời gian đầu, sau đó phát sinh mâu T ẫn, nguyên nhân là do trong cuộc sống sinh hoạt hàng ngày giữa vợ cH bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên xảy ra tranh cãi nhau. Đỉnh điểm cao nhất việc mâu T ẫn giữa vợ cH là vào tháng 6 năm 2017 chị T đã bỏ nhà ra sống riêng, anh chị sống ly thân với nhau từ đó đến nay không còn quan tâm đến cuộc sống của nhau. Từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm mở phiên tòa, Tòa án không giao được các văn bản tố tụng liên quan đến việc giải quyết vụ án, Tòa án đã giao toàn bộ các văn bản tố tụng đó cho mẹ của anh L là bà N T H và đồng thời tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định. Bà N T H đã giao toàn bộ các văn bản tố tụng đó cho L nhưng anh L không gửi cho Tòa án văn bản nào ghi ý kiến của mình. Trong quá trình giải quyết Tòa án tiến hành xác minh về tình trạng hôn nhân đồng thời lấy lời khai của mẹ anh L bà N T H khai và trình bày lại lời trình bày của anh L : Hiện anh L cũng không còn tình cảm vợ cH với chị T và đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử xét thấy hiện chị T và anh L không còn tình cảm vợ cH với nhau, cuộc sống chung không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do vậy, HĐXX cần chấp

nhận đơn xin ly hôn của chị T đối với anh L. Tuyên xử cho chị T được ly hôn với anh L là phù hợp theo quy định tại Điều khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 L hôn nhân và gia đình.

[3]. Về con chung: Anh L và chị T có một con chung cháu N Đ T sinh ngày 12/01/2003. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng giao cháu T cho anh L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ Tuổi trưởng thành, chị không có điều kiện cấp dưỡng nuôi con cùng với anh L, vì hiện cháu T cũng đã gần đủ 18 Tuổi đang đi làm ăn ở cùng với bố. Ý kiến trình bày của anh L qua lời khai của bà H, anh L đồng ý trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục con cho đến khi cháu T đủ Tuổi trưởng thành, không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con. Nguyện vọng của chị T và ý kiến trình bày của anh L qua lời khai của bà H phù hợp nguyện vọng của cháu N Đ T là khi bố mẹ ly hôn cháu T có nguyện vọng được ở với anh L.

Xét nguyện vọng của cháu N Đ T, nguyện vọng của chị T, ý kiến trình bày của anh L qua lời khai của bà H và hoàn cảnh hiện tại của anh L và cháu T. Do đó áp dụng các Điều 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của L hôn nhân và gia đình. Cần giao cháu N Đ T sinh ngày 12/01/2003 cho anh N B L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ Tuổi trưởng thành (đủ 18 Tuổi) chị H T T không phải cấp dưỡng nuôi con cùng với anh L.

[4] Về tài sản chung: Chị T và anh L đều có ý kiến là không yêu cầu Tòa án giải quyết, sẽ tự thỏa T ận với nhau. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà N T H trình bày: Ngôi nhà hiện đang ở là do bà, chị T, anh L cùng góp công xây dựng trên diện tích đất riêng của bà. Ty nhiên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết, gia đình sẽ tự thỏa T ận với nhau. Về phần tài sản các đương sự đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, sẽ tự thỏa T ận với nhau. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét giải quyết.

[5]. Về công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xem xét.

[6]. Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nhận xét và có quan điểm: Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký và các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp L; Quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M C, tỉnh Điện Biên tại phiên tòa phù hợp với quan điểm giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử sơ thẩm.

[7]. Về án phí: Buộc chị H T T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp L.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 Bộ L tố tụng dân sự;

* Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 53, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 L Hôn nhân và gia đình;

* Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ L Tổ tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016 của UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức T, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1.Về hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của chị H T T. Chị H T T được ly hôn với anh N B L.

2.Về con chung: Giao cháu N Đ T – Sinh ngày 12/01/2003 cho anh N B L trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu đủ Tuổi trưởng thành (đủ 18 Tuổi). Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Chị H T T được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền cản trở. Quyền nuôi con và cấp dưỡng nuôi con có thể được thay đổi sau ly hôn khi có yêu cầu.

3. Về tài sản chung và công nợ: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc chị H T T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp tại biên lai số: AB/2010/00367 ngày 09/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện M C, tỉnh Điện Biên. Chị H T T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* Căn cứ vào Điều 271; Điều 273 Bộ L tố tụng dân sự: Chị H T T có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tuyên án, ngày 31/7/2020. Anh N B L vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Bà N T H vắng mặt được quyền kháng cáo bản án những gì liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- P.KT NV– THA TAND tỉnh DB;
- Viện kiểm sát huyện M C;
- Chi cục THADS huyện M C;
- UBND xã N S;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lò Văn Đình